

Số: 616/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 513/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 14/100 đường N, phường T, quận T, Thành phố H;

*Người yêu cầu:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 14/100 đường N, phường T, quận T, Thành phố H;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Kim P được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận bà Nguyễn Kim P và ông Lê Thanh H thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 01/01/1996 và Lê Minh T, sinh ngày 17/01/2002.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Kim P và ông Lê Thanh H đồng ý nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0035526 ngày 06/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà P, ông H đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Kim P và ông Lê Thanh H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 14/1993, quyền số 01/P8, ngày 12/3/1993 của Ủy ban nhân dân phường 8, quận T, TP. H chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 01/01/1996 và Lê Minh T, sinh ngày 17/01/2002. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về lệ phí việc dân sự: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà P, ông H nộp nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0035526 ngày 06/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà P, ông H đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND phường 8, quận T, TP.H;
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Hòa**